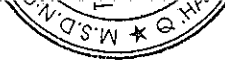


**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ  
KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**  
*(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MỤC LỤC**

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 23



## CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) trình báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong suốt kỳ hoạt động và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### Hội đồng quản trị

Bà Cao Thị Liên	Chủ tịch HĐQT
Ông Phan Đại Thành	Ủy viên
Ông Lê Ngọc Sơn	Ủy viên
Ông Edwin Harald Burchardt	Ủy viên
Ông Nguyễn Minh Tuấn	Ủy viên

#### Ban Giám đốc

Ông Phan Đại Thành	Giám đốc
Ông Bùi Duy Nhị	Phó Giám đốc
Ông Mã Ngọc Kỳ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Xuân Bình	Phó Giám đốc
Ông Vũ Quang Dũng	Phó Giám đốc

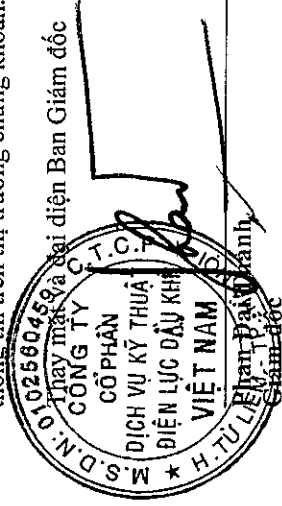
### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc của Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế và vận hành hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận; và
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các qui định hiện hành về lập và trình bày Báo cáo tài chính tại Việt Nam. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính, đồng thời tuân thủ các qui định về việc công bố thông tin theo Quy định của Bộ Tài chính hướng dẫn việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.



Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2013



Audit - Corporate Finance

**Công ty TNHH Kiểm toán An Phú**  
Tầng 12, toà nhà 167 Phố Bùi Thị Xuân  
Quận Hai Bà Trưng, Hà Nội  
Tel: +84 (4) 62 782 904  
Fax: +84 (4) 62 782 905  
www.anphugroup.com.vn

Số: 20 /2013/AP-BCKT

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPS)

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 của Công ty cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”), cùng với các Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh kèm theo cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Báo cáo tài chính được lập ngày 08/03/2013 và được trình bày từ trang 4 đến trang 23.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán Việt nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ các yêu cầu về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của đơn vị. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến kiểm toán**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính tại Việt Nam.



*(Handwritten signature of Nguyễn Thương)*

Nguyễn Thương  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số 0308/KTV

Giám đốc  
Chứng chỉ KTV số Đ. 0034/KTV

*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AN PHÚ**  
Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2013

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	
		31/12/2012	01/01/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>	<b>2.242.504.973.172</b>	<b>2.781.259.247.492</b>
<b>I. Tiền</b>	<b>110</b>	<b>113.345.918.572</b>	<b>113.267.762.536</b>
1. Tiền	111	12.345.918.572	11.221.062.536
2. Các khoản tương đương tiền	112	101.000.000.000	102.046.700.000
<b>II. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>	<b>337.018.137.016</b>	<b>199.416.950.729</b>
1. Phải thu khách hàng	131	329.296.901.342	10.247.570.889
2. Trả trước cho người bán	132	2.070.800.099	165.682.451.347
3. Các khoản phải thu khác	135	5.650.435.575	23.486.928.493
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	-	-
<b>III. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>1.790.840.333.156</b>	<b>2.297.775.066.734</b>
1. Hàng tồn kho	141	1.790.840.333.156	2.297.775.066.734
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	-	-
<b>IV. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>	<b>1.300.584.428</b>	<b>170.799.467.493</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	34.585.328	8.826.234
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152	-	169.539.271.156
3. Tài sản ngắn hạn khác	158	1.265.999.100	1.251.370.103
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>	<b>50.910.742.108</b>	<b>49.635.836.485</b>
<b>I. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>	<b>14.960.051.491</b>	<b>13.123.712.802</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14.957.720.303	13.103.505.622
- Nguyên giá	222	24.267.029.041	18.732.413.861
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(9.309.308.738)	(5.628.908.239)
2. Tài sản cố định vô hình	227	2.331.188	20.207.180
- Nguyên giá	228	153.117.750	153.117.750
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(150.786.562)	(132.910.570)
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5.040.000.000</b>	<b>5.040.000.000</b>
1. Đầu tư dài hạn khác	258	5.040.000.000	5.040.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	-	-
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>	<b>30.910.690.617</b>	<b>31.472.123.683</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	30.876.690.617	31.446.523.683
2. Tài sản dài hạn khác	268	34.000.000	25.600.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>	<b>2.293.415.715.280</b>	<b>2.830.895.083.977</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

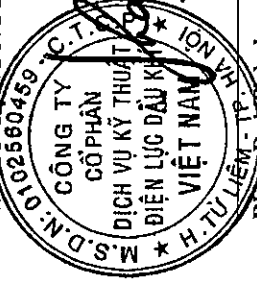
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)**  
*Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012*

**MÃ SỐ B 01-DN**  
*Đơn vị tính: VND*

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	
		31/12/2012	01/01/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>2.108.786.148.218</b>	<b>2.650.811.747.812</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>2.108.786.148.218</b>	<b>2.650.620.201.798</b>
1. Phải trả người bán	312	1.982.980.022.194	2.347.939.015.282
2. Người mua trả tiền trước	313	48.856.096.465	281.518.912.410
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	54.105.807.637	3.359.704.109
4. Phải trả người lao động	315	12.150.911.952	1.258.290.906
5. Chi phí phải trả	316	900.405.887	236.022.340
6. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	9.095.847.835	15.006.086.629
7. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	697.056.248	1.302.170.122
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	-	<b>191.546.014</b>
1. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	191.546.014
<b>B. NGUỒN VỐN</b>	<b>400</b>	<b>184.629.567.062</b>	<b>180.083.336.165</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>184.629.567.062</b>	<b>180.083.336.165</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ đầu tư phát triển	417	4.673.577.200	4.198.869.722
3. Quỹ dự phòng tài chính	418	2.574.142.339	2.099.434.861
4. Lợi nhuận chưa phân phối	420	27.381.847.523	23.785.031.582
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>	<b>2.293.415.715.280</b>	<b>2.830.895.083.977</b>

**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**



Phan Đức Thành  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2013

Tô Ngọc Tuyền  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

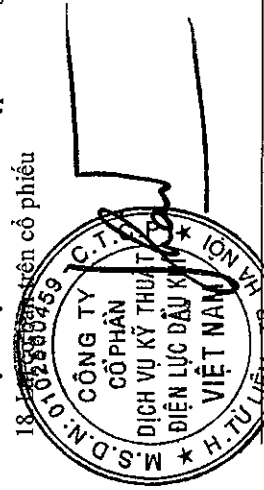
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MÃ SỐ B 02 - DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	
	Năm 2012	Năm 2011
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.972.804.216.436	946.077.328.678
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.972.804.216.436	946.077.328.678
4. Giá vốn hàng bán	1.915.998.873.204	903.348.983.337
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	56.805.343.232	42.728.345.341
6. Doanh thu hoạt động tài chính	11.965.174.459	18.027.275.162
7. Chi phí tài chính	-	1.453.385.336
- Trong đó, lãi vay	-	1.453.385.336
8. Chi phí bán hàng	330.177.826	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	32.151.667.554	27.848.742.082
10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	36.288.672.311	31.453.493.085
11. Thu nhập khác	187.124.387	94.886.289
12. Chi phí khác	-	3.214.159
13. Lợi nhuận khác	187.124.387	91.672.130
14. Tổng Lợi nhuận kế toán trước thuế	36.475.796.698	31.545.165.215
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	9.093.949.175	7.809.791.304
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	27.381.847.523	23.735.373.911
18. Lợi nhuận trên cổ phiếu	1.825	1.582



Phan Đức Thịnh  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2013

Tô Ngọc Tuyền  
Kế toán trưởng

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

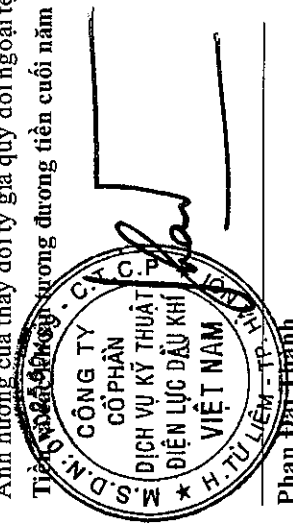
**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012

**MÃ SỐ B 03-DN**  
Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2012		Năm 2011	
		VND		VND	
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>					
<i>1. Lợi nhuận trước thuế trong kỳ</i>	01	36.475.796.698	31.545.165.215		
<i>2. Điều chỉnh cho các khoản:</i>					
- Khấu hao tài sản cố định	02	3.698.276.491	2.433.584.134		
- Các khoản dự phòng (hoàn nhập)	03	(191.546.014)	-		
- Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(11.954.480.023)	(18.027.275.162)		
- Chi phí lãi vay	06	-	1.453.385.336		
<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	08	<b>28.028.047.152</b>	<b>17.404.859.523</b>		
- (Tăng) giảm các khoản phải thu	09	32.071.363.445	(63.450.598.294)		
- (Tăng) giảm hàng tồn kho	10	506.934.733.578	(963.685.027.510)		
- Tăng (giảm) các khoản phải trả	11	(546.219.859.812)	1.053.161.502.765		
- (Tăng) giảm chi phí trả trước	12	561.433.066	(6.361.524.957)		
- Tiền lãi vay đã trả	13	-	(1.453.385.336)		
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(8.076.186.992)	(13.146.479.931)		
- Chênh lệch thu/ (chi) khác từ hoạt động kinh doanh	15	(2.440.730.500)	134.900.517		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	20	<b>10.858.799.937</b>	<b>22.604.246.777</b>		
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>					
1. Tiền chi để mua sắm TSCĐ và tài sản dài hạn khác	21	(5.534.615.180)	(6.961.949.070)		
2. Thu tiền lãi đầu tư ngắn hạn khác	27	11.780.813.356	18.027.275.162		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>6.246.198.176</b>	<b>11.065.326.092</b>		
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>					
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	160.512.815.683		
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	(167.983.706.559)		
3. Có tức đã trả cho chủ sở hữu	31	(17.026.842.077)	(23.017.021.042)		
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>(17.026.842.077)</b>	<b>(30.487.911.918)</b>		
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	50	<b>78.156.036</b>	<b>3.181.660.951</b>		
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm</b>	60	<b>113.267.762.536</b>	<b>110.086.101.585</b>		
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ</b>	61	-	-		
<b>Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm</b>	70	<b>113.345.918.572</b>	<b>113.267.762.536</b>		



Phan Đạt Thành  
Giám đốc

Tô Ngọc Tuyền  
Kế toán trưởng

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2013



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần, hoạt động theo Luật Doanh nghiệp theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh số 0103021005 ngày 27/11/2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp. Công ty đã nhiều lần sửa đổi Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh, trong đó lần sửa gần nhất ngày 2/10/2012 với nội dung bổ sung ngành nghề kinh doanh và thay đổi địa chỉ chi nhánh của Công ty.

Tổng số vốn Điều lệ của Công ty theo Đăng ký kinh doanh là 150 tỷ đồng, tương ứng 15 triệu cổ phiếu, mệnh giá 10.000 đồng/ cổ phiếu. Hiện tại, 15 triệu cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật Điện lực Dầu khí Việt Nam đang được niêm yết và giao dịch trên Sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX), mã giao dịch PPS.

Danh sách cổ đông sáng lập của Công ty như sau:

<u>Tên cổ đông sáng lập</u>	<u>Số lượng CP</u>	<u>Giá trị (VND)</u>
1. Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam	7.650.000	76.500.000.000
2. YTL Power Services Sdn. Bhd (Malaysia)	2.700.000	27.000.000.000
3. Công ty TNHH Phát triển Công nghệ (CFTD)	330.000	3.300.000.000
4. Bà Quách Thị Mai Anh	633.500	6.335.000.000
5. Bà Đặng Chí Hiếu	31.500	315.000.000
6. Ông Nguyễn Thanh Tùng	8.000	80.000.000
7. Ông Dương Hồng Phong	63.000	630.000.000
8. Bà Đặng Thị Việt Thủy	22.000	220.000.000
9. Ông Phạm Đức Nghĩa	10.000	100.000.000
10. Ông Nguyễn Duy Long	114.500	1.145.000.000
11. Ông Đào Mạnh Hùng	547.900	5.479.000.000
12. Ông Hoàng Hà	507.000	5.070.000.000

Trụ sở của Công ty tại Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp HH3, Khu đô thị Mỹ Đình, xã Mỹ Đình, huyện Từ Liêm, Hà Nội (trước đây đăng ký tại số 198 Nguyễn Tuân, P. Thanh Xuân Trung, Q. Thanh Xuân, Hà Nội).

- Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh tại số 151 Đường Hoa Lan, Phường 2, Quận Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi nhánh Cà Mau tại xã Khánh An, huyện U Minh, tỉnh Cà Mau;
- Chi nhánh Nhơn Trạch tại xã Phước Khánh, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai;
- Chi nhánh Đà Nẵng tại số 583, Trần Cao Vân, Phường Xuân Hà, Quận Thanh Khê - TP Đà Nẵng.

Tổng số cán bộ công nhân viên của Công ty tại ngày 31/12/2012 là 318 người (năm 2011: 292 người).

**Ngành, nghề kinh doanh và hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là cung cấp dịch vụ bảo trì, bảo dưỡng và dịch vụ kỹ thuật cho các nhà máy điện và các hoạt động kinh doanh khác theo qui định của pháp luật và được ghi trong Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỲ KẾ TOÁN**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính và các văn bản hướng dẫn, bổ sung hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở tổng hợp các số liệu trên Báo cáo tài chính của Văn phòng Hà Nội và các chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh, Cà Mau, Nhơn Trạch, Đà Nẵng, sau khi loại trừ các giao dịch và số dư nội bộ.

**Niên độ kế toán**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến hết ngày 31 tháng 12.

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng để lập Báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính đảm bảo tuân thủ theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành được chấp nhận tại Việt Nam yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu công nợ, tài sản và việc trình bày những khoản công nợ, tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ báo cáo. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Thuyết minh về Công cụ tài chính**

Ngày 6/11/2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Thông tư có hiệu lực áp dụng cho việc lập Báo cáo tài chính từ năm 2011. Ban Giám đốc đã trình bày Thuyết minh về Công cụ tài chính tại Thuyết minh số 20 kèm theo cho Báo cáo tài chính năm 2012. Ban Giám đốc tin tưởng rằng việc áp dụng Thông tư 210 này không có ảnh hưởng trọng yếu đến việc đánh giá hay trình bày số liệu đang được phản ánh trên Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ hiện tại.

**Ghi nhận ban đầu**

**Tài sản tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, công cụ tài chính đã được niêm yết và chưa niêm yết.

**Công nợ tài chính**

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃU SỐ B 09 - DN**

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm: Tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn). Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

**Hàng tồn kho và Dự phòng**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị nguyên liệu và hàng hóa xuất dùng được xác định theo phương pháp giá bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí tiếp thị, chi phí bán hàng, chi phí phân phối sản phẩm đã phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập theo các quy định hiện hành được chấp nhận tại Việt Nam, theo đó khoản dự phòng được lập cho hàng tồn kho bị lỗi thời, bị hỏng hoặc kém phẩm chất mà giá trị ghi sổ của chúng cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày lập bảng cân đối kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, toàn bộ chi phí khác liên quan trực tiếp đến quá trình đưa tài sản vào vị trí và trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên ước tính thời gian sử dụng ước tính phù hợp với các quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành Chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thời gian khấu hao cụ thể của các tài sản như sau:

**Loại tài sản cố định**

Năm

Máy móc, thiết bị

5 – 7

Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn

5 – 10

Thiết bị, dụng cụ quản lý

3 – 7

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình bao gồm giá trị phần mềm giá trị phần mềm kế toán và phần mềm quản lý, được phản ánh theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế. Nguyên giá của phần mềm trên được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃ SỐ B 09 - DN**

**3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)**

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn bao gồm khoản trả trước tiền thuê văn phòng và giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng có thời gian sử dụng ước tính trên 1 năm hoặc các khoản chi phí có thể đem lại lợi ích kinh tế cho Công ty trên 1 năm.

Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào Báo cáo Kết quả kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Giá trị công cụ dụng cụ xuất dùng được phân bổ vào Báo cáo Kết quả kinh doanh trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 đến 3 năm.

**Đầu tư dài hạn khác**

Bao gồm các khoản góp vốn đầu tư vào các đơn vị khác (với tỷ lệ vốn sở hữu nhỏ hơn 20% vốn điều lệ). Khoản góp vốn đầu tư vào các đơn vị được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau ngày đầu tư, cổ tức, lợi nhuận được chia phản ánh vào doanh thu hoạt động tài chính theo nguyên tắc dồn tích.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản lỗ phát sinh từ hoạt động đầu tư, nhưng tối đa không vượt quá giá trị gốc của khoản đầu tư đó.

**Doanh thu**

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả của hoạt động này được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

**Chuyển đổi ngoại tệ**

Các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ được quy đổi sang VND theo tỷ giá quy đổi tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Tại ngày lập Báo cáo tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ phải được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá giá lại này (sau khi bù trừ) sẽ được phản ánh vào chi phí hoặc thu nhập tài chính trong kỳ theo hướng dẫn tại Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 qui định việc ghi nhận, đánh giá, xử lý khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong Doanh nghiệp.

Các khoản nợ phải trả nhà thầu nước ngoài là Nhà thầu Siemens Aktiengesellschaft GmbH (Đức) và nhà thầu ALSTOM Asia Pacific Sdn. Bhd. (Malaysia) có gốc nguyên tệ bằng EUR đã được đánh giá theo tỷ giá mua của Ngân hàng ngoại thương Việt Nam tại ngày lập báo cáo tài chính (theo hướng dẫn của Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam). Do bản chất các khoản phải trả này là theo Hợp đồng bảo trì dài hạn các nhà máy điện, dựa trên cơ sở thực thanh – thực chi, do đó chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản phải trả này đã được hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh dở dang tương ứng với Doanh thu mà Công ty sẽ ghi nhận khi được chủ đầu tư chấp nhận thanh toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC ĐÀU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế có thể khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định số thuế phải nộp được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền. Trong việc lập Báo cáo tài chính năm 2012, Công ty đang nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 25%.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Tiền mặt	875.866.781	1.937.591.336
Tiền gửi ngân hàng	11.470.051.791	9.283.471.200
Các khoản tương đương tiền (*)	101.000.000.000	102.046.700.000
<b>Cộng</b>	<b>113.345.918.572</b>	<b>113.267.762.536</b>

(\*) Các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi ngắn hạn dưới 3 tháng tại các tổ chức tín dụng trong nước theo lãi suất do các tổ chức tín dụng qui định tại từng thời điểm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

**5. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Nguyên liệu, vật liệu	104.234.712.969	116.772.605.489
Công cụ, dụng cụ	53.610.000	107.153.400
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	1.686.552.010.187	2.180.895.307.845
<b>Cộng</b>	<b>1.790.840.333.156</b>	<b>2.297.775.066.734</b>
<i>Trừ: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho</i>	-	-
<b>kho</b>	<b>1.790.840.333.156</b>	<b>2.297.775.066.734</b>

Giá trị Nguyên vật liệu tồn kho chủ yếu là vật tư, thiết bị nhập khẩu dự phòng phục vụ việc sửa chữa, đại tu các tổ hợp Tuabin khí tại Nhà máy điện Cà Mau 1&2 (thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam – PV Power) theo Hợp đồng bảo trì dài hạn (LTMC).

Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang bao gồm chủ yếu là các chi phí liên quan mua vật tư thiết bị nhập khẩu và các chi phí phát sinh khác phục vụ việc duy tu, bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1&2 theo Hợp đồng số 0810/CM-LTMP/SIE-PVPS/006 ngày 03/10/2008 giữa PVPS với Nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesells - chaft và Công ty TNHH Siemens).

**6. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

**NGUYÊN GIÁ**

Tại ngày 01/01/2012	3.937.300.506	5.815.314.182	8.979.799.173	18.732.413.861
Tăng trong kỳ	935.777.962	2.915.712.728	1.683.124.490	5.534.615.180
- Mua mới	935.777.962	2.915.712.728	1.683.124.490	5.534.615.180
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	<b>4.873.078.468</b>	<b>8.731.026.910</b>	<b>10.662.923.663</b>	<b>24.267.029.041</b>

**KHẤU HAO LŨY KẾ**

Tại ngày 01/01/2012	965.109.444	1.664.417.463	2.999.381.332	5.628.908.239
Tăng trong năm	864.573.539	733.340.984	2.082.485.976	3.680.400.499
- Trích khấu hao trong kỳ	864.573.539	733.340.984	2.082.485.976	3.680.400.499
Giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2012	<b>1.829.682.983</b>	<b>2.397.758.447</b>	<b>5.081.867.308</b>	<b>9.309.308.738</b>

**GIÁ TRỊ CÒN LẠI**

Tại ngày 01/01/2012	2.972.191.062	4.150.896.719	5.980.417.841	13.103.505.622
Tại ngày 31/12/2012	<b>3.043.395.485</b>	<b>6.333.268.463</b>	<b>5.581.056.355</b>	<b>14.957.720.303</b>

Tổng nguyên giá Tài sản cố định hữu hình đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2012 là 2.104.298.647 đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃ SỐ B 09 - DN**

**7. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH**

	<b>Phân mềm máy tính</b>	<b>Cộng</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
<b>NGUỒN GIÁ</b>		
Tại ngày 01/01/2012	153.117.750	153.117.750
Tăng trong kỳ	-	-
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 31/12/2012	<b>153.117.750</b>	<b>153.117.750</b>
<b>KHẤU HAO LŨY KẾ</b>		
Tại ngày 01/01/2012	132.910.570	132.910.570
Tăng trong kỳ	17.875.992	17.875.992
- <i>Trích khấu hao trong kỳ</i>	17.875.992	17.875.992
Giảm trong kỳ	-	-
Tại ngày 31/12/2012	<b>150.786.562</b>	<b>150.786.562</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
Tại ngày 01/01/2012	20.207.180	20.207.180
Tại ngày 31/12/2012	<b>2.331.188</b>	<b>2.331.188</b>

**8. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	<b>31/12/2012</b>	<b>01/01/2012</b>
	<b>VND</b>	<b>VND</b>
Trả trước tiền thuê văn phòng	28.554.638.211	29.155.788.494
Chi phí sửa chữa, trang thiết bị văn phòng Hà Nội	1.319.289.730	1.348.471.161
Chi phí đào tạo học viên Alstom	192.909.000	182.785.000
Công cụ dụng cụ có giá trị lớn phân bổ	632.465.576	755.330.693
Chi phí trả trước dài hạn khác	177.388.100	4.148.335
<b>Cộng</b>	<b>30.876.690.617</b>	<b>31.446.523.683</b>

Khoản trả trước tiền thuê Văn phòng theo Hợp đồng thuê số 19/HĐTVPP/HH3 ngày 21/6/2010 với Công ty TNHH Đầu tư Thương Mại Việt Nguyên thuê dài hạn toàn bộ Tầng 7 Tòa nhà HH3 Sông Đà trong thời gian 49 năm kể từ ngày ký hợp đồng. Tổng diện tích sử dụng là 953 m2, tổng số tiền phải trả là 32.402.000.000 đồng. Khoản tiền thuê văn phòng trả trước sẽ được phân bổ vào chi phí thuế nhà tương ứng với thời gian thuê.

**9. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN KHÁC**

Khoản đầu tư tài chính dài hạn khác của Công ty là khoản góp vốn 5.040.000.000 đồng vào Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Viễn thông và Tự động hóa dầu khí (PV Tech) tương ứng 504.000 cổ phần, chiếm 14% vốn Điều lệ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

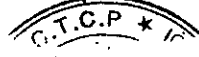
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

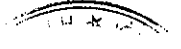
**10. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

Nhà cung cấp	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
SIEMENS Aktiengesellschaft GmBh (Đức)	1.878.050.208.357	2.321.565.234.817
SIEMENS Limited (Việt Nam)	24.408.551.132	13.423.144.614
Công ty Alstom Asia Pacific Sdn. Bhd. (Malaysia)	39.395.703.251	-
Công ty TNHH Alstom Việt Nam	37.535.328.678	1.115.025.328
Công ty TNHH Công nghệ và TM Sông Hồng	488.056.626	544.341.568
Công ty CP TB phụ tùng và dịch vụ MICO EPT	208.635.239	3.592.338.805
Công ty CP Thương mại Dầu khí - Petechim	93.179.568	1.717.567.090
Công ty CP XNK Tạp phẩm TOCONTAP	767.536.529	1.276.398.814
Nhà cung cấp khác	2.032.822.814	4.704.964.246
<b>Cộng</b>	<b>1.982.980.022.194</b>	<b>2.347.939.015.282</b>



**11. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	50.186.493.593	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.745.345.887	2.727.583.704
Thuế thu nhập cá nhân	173.968.157	618.834.510
Thuế khác	-	13.285.895
<b>Cộng</b>	<b>54.105.807.637</b>	<b>3.359.704.109</b>



**12. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGÂN HẠN KHÁC**

	31/12/2012	01/01/2012
	VND	VND
Phải trả về cổ tức	4.205.138.784	231.980.861
Phải trả, phải nộp khác	4.890.709.051	14.774.105.768
<b>Cộng</b>	<b>9.095.847.835</b>	<b>15.006.086.629</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MẪU SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**13. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

**13.1 Vốn Điều lệ**

	Vốn đăng ký theo		Tỷ lệ	Vốn góp		Vốn góp
	Giấy CNĐKDN	số hữu		đến 31/12/2012	đến 01/01/2012	
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower)	76.500.000.000	51,00%	76.500.000.000	76.500.000.000	76.500.000.000	
YTL Power Service Sdn. Bhd.	27.000.000.000	18,00%	27.000.000.000	27.000.000.000	27.000.000.000	
Cổ đông khác	46.500.000.000	31,00%	46.500.000.000	46.500.000.000	46.500.000.000	
<b>Cộng</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>100,00%</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	<b>150.000.000.000</b>	

**13.2 Tình hình biến động các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối**

	Chênh lệch		Quỹ Đầu		Quỹ Dự phòng		Lợi nhuận	
	tỷ giá hối đoái	tư phát triển	tư phát triển	tài chính	chưa phân phối	VND	VND	VND
<b>Số dư tại ngày 01/01/2011</b>	<b>(15.647.096.304)</b>	<b>1.435.157.747</b>	<b>1.435.157.747</b>	<b>717.578.874</b>	<b>27.658.937.605</b>			
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	23.735.373.911			
Phân phối lợi nhuận	-	2.763.711.975	2.763.711.975	1.381.855.987	(27.609.279.934)			
Điều chỉnh	15.647.096.304	-	-	-	-			
<b>Số dư tại ngày 31/12/2011</b>	<b>-</b>	<b>4.198.869.722</b>	<b>4.198.869.722</b>	<b>2.099.434.861</b>	<b>23.785.031.582</b>			
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	27.381.847.523			
Phân phối lợi nhuận	-	474.707.478	474.707.478	474.707.478	(23.785.031.582)			
Điều chỉnh	-	-	-	-	-			
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>-</b>	<b>4.673.577.200</b>	<b>4.673.577.200</b>	<b>2.574.142.339</b>	<b>27.381.847.523</b>			

Theo Nghị quyết số 40/NQ/ĐHCB-DVKT của Đại hội Cổ đông thường niên năm 2012 của Công ty ngày 04/05/2012, lợi nhuận sau thuế năm 2011 được phân phối như sau:

- Quỹ dự phòng tài chính : 474,7 triệu đồng
- Quỹ khen thưởng phúc lợi : 1.835,6 triệu đồng
- Quỹ đầu tư phát triển : 474,7 triệu đồng
- Cổ tức được trả cho cổ đông: 21 tỷ đồng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC ĐẦU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

**14. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Doanh thu nhà thầu phụ OEM	1.802.055.058.937	681.638.937.223
Doanh thu hàng thực thanh - thực chi	52.453.978.844	162.687.823.685
Doanh thu Công ty tự thực hiện	118.295.178.655	101.750.567.770
<b>Cộng</b>	<b>1.972.804.216.436</b>	<b>946.077.328.678</b>
<i>Các khoản giảm trừ doanh thu</i>	-	-
<b>Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>1.972.804.216.436</b>	<b>946.077.328.678</b>

**15. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Giá vốn hàng hóa và dịch vụ đã cung cấp	1.915.998.873.204	903.348.983.337
<b>Cộng</b>	<b>1.915.998.873.204</b>	<b>903.348.983.337</b>

**16. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn và có kỳ hạn)	11.702.480.023	17.523.275.162
Cổ tức, lợi nhuận được chia	252.000.000	504.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	10.694.436	-
<b>Cộng</b>	<b>11.965.174.459</b>	<b>18.027.275.162</b>

**17. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
<b>Thu nhập khác</b>	<b>187.124.387</b>	<b>94.886.289</b>
Thu nhập khác	187.124.387	94.886.289
<b>Chi phí khác</b>	<b>-</b>	<b>3.214.159</b>
Chi phí khác	-	3.214.159
<b>Lợi nhuận/ (Lỗ) khác</b>	<b>187.124.387</b>	<b>91.672.130</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

**18. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lợi nhuận trong năm	36.475.796.698	31.545.165.215
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
<i>Trừ: Thu nhập không chịu thuế</i>	<i>(252.000.000)</i>	<i>(504.000.000)</i>
<i>Trừ: Lỗ được kết chuyển</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
<i>Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ</i>	<i>152.000.000</i>	<i>198.000.000</i>
<b>Thu nhập chịu thuế</b>	<b>36.375.796.698</b>	<b>31.239.165.215</b>
Thuế suất hiện hành	25%	25%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>9.093.949.175</b>	<b>7.809.791.304</b>
Thuế thu nhập hoãn lại	-	-
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp</b>	<b>9.093.949.175</b>	<b>7.809.791.304</b>

**19. CỔ PHIẾU**

	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	cổ phiếu	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	cổ phiếu	cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành	đồng/cổ phiếu	10.000

**20. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	<u>Năm 2012</u>	<u>Năm 2011</u>
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (cổ phiếu)	15.000.000	15.000.000
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng)	27.381.847.523	23.735.373.911
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (đồng/cổ phiếu)	1.825	1.582

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC ĐÀU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

**21. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 3.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi số	
	31/12/2012	01/01/2012
<b>Tài sản tài chính</b>	VND	VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	113.345.918.572	113.267.762.536
Phải thu khách hàng và phải thu khác	311.046.403.118	199.416.950.729
Các khoản đầu tư dài hạn	5.040.000.000	5.040.000.000
Tài sản tài chính khác	1.300.584.428	1.260.196.337
<b>Tổng cộng</b>	<b>430.732.906.181</b>	<b>318.984.909.602</b>

**Công nợ tài chính**

Phải trả người bán và phải trả khác	2.005.864.384.822	2.629.457.927.692
Công nợ khác	4.890.709.053	14.774.105.768
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.010.755.093.875</b>	<b>2.644.232.033.460</b>

Ngoài việc thực hiện các biện pháp dự phòng rủi ro theo hướng dẫn hiện hành của Bộ Tài chính đối với các khoản phải thu khó đòi, các khoản đầu tư bị tổn thất, Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị của dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động do sự biến động về giá trên thị trường. Rủi ro thị trường bị ảnh hưởng bởi các loại: Rủi ro tỷ giá ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá cả khác. Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất trên thị trường.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC ĐÀU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

***Quản lý rủi ro tỷ giá ngoại tệ***

Rủi ro tỷ giá ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc giá trị dòng tiền tương lai của các công cụ tài chính của Công ty sẽ chịu ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái. Đồng tiền giao dịch chính của Công ty là Đồng Việt Nam (VND). Ngoài ra, Công ty có nhu cầu lớn về đồng EUR để thanh toán cho các nhà thầu nước ngoài. Công ty quản lý rủi ro biến động của tỷ giá ngoại tệ bằng cách cập nhật và theo dõi thường xuyên biến động của tỷ giá ngoại tệ trên thị trường để có biện pháp dự phòng kịp thời.

Giá trị ghi số của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ (USD) tại thời điểm cuối năm như sau:

<b>Ngoại tệ</b>	<b>Tài sản</b>	<b>Công nợ</b>
	<u>31/12/2012</u>	<u>01/01/2012</u>
	<u>31/12/2012</u>	<u>31/12/2012</u>
Gốc ngoại tệ (EUR)	-	-
	69.947.866	83.812.017
Tương đương (ngàn VND)	-	-
	1.916.183.535	2.321.565.290

***Quản lý rủi ro lãi suất***

Rủi ro lãi suất liên quan đến dòng tiền là rủi ro khi dòng tiền trong tương lai của công cụ tài chính diễn biến bất thường do những biến động của lãi suất thị trường. Công ty chịu rủi ro lãi suất chủ yếu phát sinh từ các khoản cho vay hưởng lãi suất, các khoản đi vay chịu lãi suất đã được ký kết do các Hợp đồng vay vốn được qui định theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng chiến lược phân tích và dự báo thị trường, lựa chọn thời điểm và ngân hàng phù hợp, duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

***Quản lý Rủi ro về giá cả***

Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn (đầu tư vào cổ phiếu, trái phiếu và các giấy tờ có giá trên thị trường). Hiện tại, Công ty không chịu nhiều rủi ro về giá chứng khoán do không tham gia đầu tư vào các cổ phiếu giao dịch trên thị trường chứng khoán. Khoản đầu tư hiện tại của Công ty vào Công ty Cổ phần Công nghệ thông tin Viễn thông và Tự động hóa đầu khí (PV Tech) cho mục đích dài hạn.

***Rủi ro tín dụng***

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty quản lý rủi ro này bằng cách xây dựng chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không để có biện pháp thu hồi công nợ cũng như đưa ra phương án dự phòng rủi ro phù hợp. Trong năm Công ty không phát sinh các Hợp đồng tín dụng với các Ngân hàng và bên thứ ba.

***Rủi ro thanh khoản***

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tình thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát được, tương ứng với nguồn vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp, nhằm đáp ứng các quy định về tình thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MẪU SỐ B 09 - DN**

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đảo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phát sinh (bao gồm cả gốc và lãi) và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận và được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính.

<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	2.005.864.384.822	-	2.005.864.384.822
Phải trả khác	4.890.709.053	-	4.890.709.053
Các khoản vay	-	-	-
	<b>2.010.755.093.875</b>	<b>-</b>	<b>2.010.755.093.875</b>
<b>01/01/2012</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	VND	VND	VND
Phải trả người bán	2.629.457.927.692	-	2.629.457.927.692
Phải trả khác	14.774.105.768	-	14.774.105.768
Các khoản vay	-	-	-
	<b>2.644.232.033.460</b>	<b>-</b>	<b>2.644.232.033.460</b>

Rủi ro thanh khoản của Công ty liên quan chủ yếu đến các khoản phải trả nhà thầu nước ngoài, sẽ được thanh toán thông qua khoản tiền thu được từ các nhà máy điện thuộc Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power). Vì vậy, Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đảo hạn cho tài sản tài chính phi phát sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đảo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính (bao gồm cả lãi từ các tài sản đó, nếu có). Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phát sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

<b>Tại 31/12/2012</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	113.345.918.572	-	113.345.918.572
Phải thu khách hàng	311.046.403.118	-	311.046.403.118
Đầu tư tài chính dài hạn	-	5.040.000.000	5.040.000.000
Tài sản khác	1.300.584.428	-	1.300.584.428
	<b>425.692.906.181</b>	<b>5.040.000.000</b>	<b>430.732.906.181</b>
<b>Tại 01/01/2012</b>	<b>Dưới 1 năm</b>	<b>Từ 1-5 năm</b>	<b>Tổng</b>
	VND	VND	VND
Tiền và tương đương tiền	113.267.762.536	-	113.267.762.536
Phải thu khách hàng	199.416.950.729	-	199.416.950.729
Đầu tư tài chính dài hạn	-	5.040.000.000	5.040.000.000
Tài sản khác	1.260.196.337	-	1.260.196.337
	<b>313.944.909.602</b>	<b>5.040.000.000</b>	<b>318.984.909.602</b>

**Đo lường theo giá trị hợp lý**

Các tài sản tài chính và công nợ tài chính của Công ty đang được ghi nhận theo nguyên tắc giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá tài sản. Do vậy giá trị ghi số của các khoản tài sản tài chính và công nợ tài chính của Công ty có thể khác biệt với giá trị hợp lý (theo giá thị trường).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

**MÃ SỐ B 09 - DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

Hiện tại, Công ty chưa thực hiện xác định giá trị hợp lý của tất cả các tài sản tài chính và công nợ tài chính của mình do đang chờ Bộ Tài chính có văn bản hướng dẫn việc xác định và trình bày giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính.

**22. CÁC HỢP ĐỒNG QUAN TRỌNG ĐANG TRIỂN KHAI**

Tại ngày 31/12/2012, Công ty đang tiếp tục triển khai các hợp đồng quan trọng sau:

- Hợp đồng số 0811-O&M-CM-008/ĐLDKCM-PVPS ngày 28/11/2008 với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PVPower) về gói thầu: Cung cấp vật tư, phụ tùng và dịch vụ kỹ thuật phục vụ để thực hiện toàn bộ công tác sửa chữa, bảo trì Nhà máy điện Cà Mau 1&2 trong 100.000 EOH đầu tiên. Giá trị hợp đồng là 544.667.880.384 VND và 371.810.785 EURO (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%). Thời gian thực hiện hợp đồng là 12 năm kể từ ngày ký hợp đồng.
- Hợp đồng số 0810/CM-LTMP/SIE-PVPS/006 ngày 03/10/2008 với Nhà thầu Siemens (Siemens Aktiengesellschaft và Công ty TNHH Siemens) về việc: Cung cấp vật tư thiết bị và dịch vụ bảo dưỡng Nhà máy điện Cà Mau 1&2 trong 100.000 EOH đầu tiên. Giá trị hợp đồng là 272.717.781 EURO, bao gồm: phí cố định, phí huy động và phí biến đổi được tính theo giờ máy chạy. Thời gian thực hiện hợp đồng là 12 năm kể từ ngày ký hợp đồng.
- Hợp đồng số 38/PVP- PVPS/2010/LTMA- NT1 ngày 04/8/2010 với Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam (PV Power) về việc: Bảo trì, sửa chữa nhà máy điện Nhơn Trạch 1 trong giai đoạn 108.000 EOH đầu tiên, giá trị hợp đồng là 508.067.920.553 VND và 115.104.610 EURO (chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng 10%). Thời hạn thực hiện hợp đồng là 14 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng.
- Hợp đồng số 80/2010/NT1-LTSA/PVPS-ALSTOM ngày 3/12/2010 giữa PVPS với Nhà thầu Công ty TNHH ALSTOM Việt Nam về dịch vụ giám sát kỹ thuật quá trình sửa chữa bảo dưỡng Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 trong 108.000 EOH đầu tiên và Hợp đồng số 81/2010/NT1-LTPA/PVPS-ALSTOM ngày 3/12/2010 giữa PVPS và nhà thầu ALSTOM Asia Pacific Sdn. Bhd. (Malaysia) về cung cấp vật tư, thiết bị phục vụ việc sửa chữa định kỳ cho Nhà máy điện Nhơn Trạch 1 trong 108.000 EOH đầu tiên.
- Hợp đồng số 68/2011/PVPower NT2-PVPS ngày 14/9/2011 giữa PVPS và Công ty CP Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 về Công tác bảo trì sửa chữa Nhà máy Điện Nhơn Trạch 2 trong giai đoạn 100.000 EOH đầu tiên. Giá trị hợp đồng tương đương 372.689.941.293 VND và 165.935.816,75 EUR. Thời gian thực hiện hợp đồng là 12 năm kể từ ngày ký hợp đồng.

**23. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN**

Không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính 2012 làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT  
ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM (PVPS)**

Tầng 7, Tòa nhà hỗn hợp HH3, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
Cho năm tài chính kết thúc  
ngày 31 tháng 12 năm 2012

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính kèm theo*

**MÃ SỐ B 09 - DN**

**24. GIAO DỊCH VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm 2012, Công ty có các nghiệp vụ chủ yếu và số dư chủ yếu với các bên liên quan như sau:

Giao dịch với các bên có liên quan

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2012 VND	Năm 2011 VND
Công ty TNHH Điện lực Dầu Khí Cà Mau	743.968.361.266	865.368.498.934
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	357.036.996.838	-
Công ty TNHH Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch	860.929.079.581	51.478.263.976
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - cổ tức	10.710.000.000	10.557.000.000
Tổng Công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam - phí quản lý	250.055.818	309.689.940

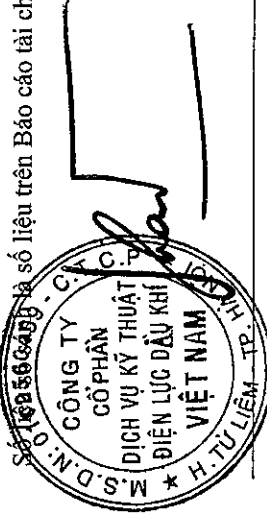
Số dư với các bên có liên quan

Phải thu khách hàng	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH Điện lực Dầu Khí Cà Mau	151.921.574.750	-
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2	6.559.571.059	-
Công ty TNHH Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch	166.268.148.657	6.247.984.483

**Người mua trả tiền trước/ phải trả**

	31/12/2012 VND	01/01/2012 VND
Công ty TNHH Điện lực Dầu Khí Cà Mau - trả trước	22.249.112.628	118.143.778.290
Công ty TNHH Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch - phải trả	137.349.196	-
Công ty TNHH Điện lực Dầu Khí Nhơn Trạch - ứng trước	25.971.733.837	163.375.134.120

**25. SỐ LIỆU SO SÁNH**



Phan Đại Thành  
Giám đốc

Hà Nội, ngày 08 tháng 3 năm 2013

Tổ Ngọc Tuyết  
Kế toán trưởng